

Số: 1932/QĐ-STC

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số loại tài sản như: tàu thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ pháp lệnh Phí, lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2011/NĐ-CP Ngày 17/6/2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28/3/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 124/2011/TT-BTC ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Quyết định số 2664/QĐ-UBND ngày 14/6/2010 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài chính Hà Nội ký Quyết định ban hành Bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại tài sản như: tàu, thuyền, ô tô, xe máy, súng săn, súng thể thao áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Văn bản số 8811/UBND-KT ngày 17/10/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành bảng giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ một số tài sản;

Căn cứ biên bản liên ngành gồm Sở Tài chính và Cục thuế Hà Nội ngày 23/4/2013 về việc thống nhất mức giá tối thiểu tính lệ phí trước bạ các loại ô tô, xe máy áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội trên cơ sở thông báo giá của các tổ chức sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu ô tô, xe máy, giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự trên thị trường Thành phố Hà Nội ở thời điểm hiện tại,

Xét đề nghị của Ban giá, Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại ô tô cụ thể như sau: 

TT	Tài sản xác định giá Loại tài sản	Năm SX	Giá đề xuất xe mới 100% (Triệu VNĐ)
I/ Xác định giá căn cứ văn bản thông báo giá của các cơ sở sản xuất, nhập khẩu:			
	1. Xe nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÂN HIỆU AUDI		
1	AUDI A4 1.8 TFSI; 05 chỗ	2012;2013	1,541
2	AUDI A4 1.8T; 05 chỗ	2012;2013	1,541
3	AUDI A5 SPORTBACK 2.0 TFSI QUATTRO; 04 chỗ	2012;2013	2,048
4	AUDI A5 SB 2.0 TFSI QUATTRO; 04 chỗ	2012;2013	2,048
5	AUDI A5 2.0 TFSI QUATTRO; 04 chỗ	2012;2013	2,048
6	AUDI A6 3.0T QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	3,081
7	AUDI A6 3.0 TFSI QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	3,081
8	AUDI A6 2.0T; 05 chỗ	2012;2013	2,189
9	AUDI A6 2.0 TFSI; 05 chỗ	2012;2013	2,189
10	AUDI A7 3.0T QUATTRO; 04 chỗ	2012;2013	3,081
11	AUDI A7 3.0 TFSI QUATTRO; 04 chỗ	2012;2013	3,081
12	AUDI A7 SPORTBACK 3.0 TFSI QUATTRO; 04 chỗ	2012;2013	3,081
13	AUDI A8L 3.0 TFSI QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	4,663
14	AUDI A8L 3.0 QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	4,663
15	AUDI Q3 2.0 TFSI QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	1,683
16	AUDI Q3 2.0T QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	1,683
17	AUDI Q5 2.0T QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	2,189
18	AUDI Q5 2.0 TFSI QUATTRO; 05 chỗ	2012;2013	2,189
19	AUDI Q7 QUATTRO; 07 chỗ	2012;2013	3,142

20	AUDI Q7 3.0 TFSI QUATTRO; 07 chỗ	2012;2013	3,142
21	AUDI Q7 3.0 TFSI QUATTRO SLINE; 07 chỗ	2012;2013	3,386
22	AUDI Q7 3.0T QUATTRO SLINE; 07 chỗ	2012;2013	3,386
II/ Xác định giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự:			
	1. Xe nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÂN HIỆU SSANGYONG		
1	SSANGYONG REXTON; 3199 cc; 07 chỗ	2008	700
	NHÂN HIỆU HONDA		
1	HONDA CR-V EX-L AWD; 2354 cc; 05 chỗ	2012	1257
	NHÂN HIỆU MERCEDES		
1	MERCEDES-BENZ SL350; 3498 cc; 02 chỗ	2012	4,577
	NHÂN HIỆU HUYNDAI		
1	HUYNDAI GRAND STAREX CVX; Tải van; 05 chỗ; 2497 cc	2008	730
	2. Xe sản xuất trong nước		
	NHÂN HIỆU DAEWOO		
1	DAEWOO NUBURA II CDX; 05 chỗ; 1998 cc	2000	310

Điều 2. Bổ sung giá tính lệ phí trước bạ các loại xe máy cụ thể như sau:

	Loại tài sản		Giá xe mới 100% (Triệu VND)
I/ Xác định giá ghi trên hoá đơn bán hàng hợp pháp, giá thị trường hoặc giá của tài sản cùng loại tương tự:			
	1. Xe mô tô nhập khẩu từ nước ngoài		
	NHÂN HIỆU DUCATI		
1	DUCATI MONSTER 795		334

2	DUCATI MONSTER 795 ABS		376
3	DUCATI DIAVEL STD		668
4	DUCATI DIAVEL CROMO		727
5	DUCATI DIAVEL CARBON		787,5
2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước			
NHÂN HIỆU HONDA			
1	HONDA WAVE S (D) JC52E		17,8
2	HONDA WAVE S JC52E		18,8
3	HONDA WAVE RS JC52E		19
4	HONDA WAVE RS (C) JC52E		20,5
5	HONDA VISION JF33E		28,7

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký đối với việc tính, thu lệ phí trước bạ và được áp dụng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các mức giá xe đã ban hành trái với mức giá quy định tại Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Ban giá, các phòng Thanh tra thuế, các phòng Kiểm tra thuế thuộc văn phòng Cục thuế, các Chi cục thuế quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Tổng Cục thuế;
- UBND Thành phố Hà Nội;
- Cục thuế Hà Nội (để p/hợp)
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Lưu VT, BG. 41

KT, GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI CHÍNH
Lê Thị Loan